

Thiết kế sổ tay đọc hiểu dùng trong dạy học đọc hiểu thơ trữ tình ở cấp Trung học phổ thông theo Chương trình Ngữ văn 2018

Nguyễn Minh Nhật Nam*¹, Châu Huệ Mai²,
Trần Phát Đạt³, Nguyễn Thị Ngọc Thúy⁴

* Tác giả liên hệ

¹ Email: 4401601023@student.hcmue.edu.vn

² Email: maihuechau@gmail.com

³ Email: dattran1001@gmail.com

⁴ Email: thuyntn@hcmue.edu.vn

Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
280 An Dương Vương, Quận 5,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

TÓM TẮT: Theo Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018 (Chương trình Ngữ văn 2018), mục tiêu của dạy học là học sinh biết cách đọc và tự đọc văn bản. Tuy nhiên, trong các loại văn bản văn học được dạy ở cấp Trung học phổ thông, thơ trữ tình là loại văn bản phức tạp. Hơn nữa, yêu cầu về đọc hiểu thơ trữ tình ở cấp học này đa phần là đọc phân tích và đánh giá. Từ bối cảnh trên, nhằm đổi mới phương pháp dạy học và hỗ trợ học sinh ghi chép cách đọc và tự đọc hiểu thơ trữ tình, nghiên cứu này thiết kế sổ tay đọc hiểu như là hồ sơ đọc dùng trong dạy học đọc hiểu thơ trữ tình ở cấp Trung học phổ thông. Nghiên cứu sử dụng lí thuyết về hồ sơ học tập và định hướng của Chương trình Ngữ văn 2018 để xây dựng mục đích, nguyên tắc, cấu trúc và cách sử dụng của sổ tay. Để đánh giá mức độ hiệu quả và khả thi của sổ tay trong thực tế dạy học, một cuộc khảo sát bằng bảng hỏi đã được tiến hành với 160 giáo viên Trung học phổ thông tham gia. Kết quả khảo sát cho thấy, sổ tay được đánh giá cao nhất ở tính thân thiện, thẩm mỹ và cần thiết cho việc rèn luyện kĩ năng đọc thơ trữ tình.

TỪ KHÓA: Sổ tay đọc hiểu, hồ sơ đọc, thơ trữ tình, Chương trình Ngữ văn 2018.

→ Nhận bài 17/9/2021 → Nhận bài đã chỉnh sửa 10/10/2021 → Duyệt đăng 15/01/2022.

DOI: <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12210105>

1. Đặt vấn đề

Theo Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018 (CTNV2018), mục tiêu của việc dạy học là học sinh (HS) *biết cách đọc* và *tự đọc* văn bản (VB) [1 tr.82], đặc biệt dành nhiều thời lượng cho đọc VB văn học [1, tr.89]. Tuy nhiên, trong các loại VB văn học được dạy ở cấp Trung học phổ thông (THPT), *thơ trữ tình* là thể loại văn học khó đọc vì ngôn ngữ thơ vốn phức tạp, đa nghĩa. Hơn nữa, yêu cầu cần đạt (YCCĐ) của CTNV2018 về đọc hiểu thơ trữ tình lại chủ yếu ở mức phân tích, đánh giá. Như vậy, muốn hình thành và phát triển năng lực (NL) của HS khi đọc thơ trữ tình theo các YCCĐ này, giáo viên (GV) cần hướng dẫn HS rèn luyện *kĩ năng đọc thơ trữ tình theo YCCĐ* qua từng ngữ liệu trên lớp và rút ra *cách thực hiện các YCCĐ* để có thể tự đọc được những ngữ liệu khác. Để thực hiện tốt mục tiêu này, GV cần có công cụ hỗ trợ HS *ghi chép, lưu giữ những hiểu biết* về cách thức đọc hiểu thơ trữ tình theo YCCĐ của CTNV2018 và *vận dụng hiểu biết* ấy để tự đọc thơ trữ tình. Bên cạnh đó, để theo dõi sự phát triển NL của HS trong quá trình rèn luyện kĩ năng đọc thơ trữ tình (*biết cách đọc và tự đọc thơ trữ tình theo YCCĐ* hay chưa, ở mức độ nào,...), GV có thể sử dụng hình thức đánh giá qua *hồ sơ học tập* của HS, cụ thể là *hồ sơ đọc thơ trữ tình*. Ở Việt Nam, việc

nghiên cứu đề xuất quy trình thiết kế và sử dụng hồ sơ học tập trong dạy học đọc hiểu VB văn học trong trường phổ thông chưa được quan tâm đúng mức [2]. Xuất phát từ các lí do trên, bài viết tiến hành thiết kế *sổ tay đọc hiểu thơ trữ tình ở cấp THPT như là hồ sơ đọc* với vai trò góp phần nâng cao kĩ năng đọc thơ trữ tình của HS, đa dạng hoá hoạt động đọc hiểu thơ trữ tình, trong bối cảnh CTNV2018 được triển khai ở cấp THPT từ năm 2022.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lí luận

2.1.1. Sổ tay đọc hiểu: một dạng hồ sơ học tập trong dạy học đọc hiểu theo định hướng năng lực

Hồ sơ học tập (portfolio) là bộ sưu tập có mục đích và có hệ thống, bao gồm những sản phẩm của HS qua nhiều hoạt động trong thời gian liên tục, cho thấy nỗ lực, sự tiến bộ và thành quả của HS trong một/ nhiều môn học [3], [4]. Hồ sơ học tập là *công cụ kiểm tra đánh giá* mà cốt lõi nằm ở *quá trình tạo ra hồ sơ* hơn là *các sản phẩm bên trong hồ sơ*; chủ thể đánh giá hồ sơ là GV và HS. Bên cạnh đó, sử dụng hồ sơ học tập cũng là một *phương pháp dạy học* nhằm tích cực hoá hoạt động học [5], đa dạng hoá vai trò của HS (sở hữu, xây dựng, đánh giá hồ sơ) [3].

Đánh giá qua hồ sơ học tập phù hợp với dạy học phát triển NL vì chú trọng sự tiến bộ về NL và sự thực hành, xem đánh giá như là học tập. Trong dạy học phát triển NL môn Ngữ văn, hồ sơ học tập có thể được thể hiện ở hai hình thức. Hình thức thứ nhất là *hồ sơ đọc* (reading portfolio), dùng trong đánh giá NL tiếp nhận VB, tập hợp các sản phẩm mà HS thực hiện trong tiến trình đọc, bao gồm cả sự phản hồi của HS sau khi đọc [2], [6], [7]. Hình thức thứ hai là *hồ sơ viết* (writing portfolio), dùng trong đánh giá NL tạo lập VB, tập hợp các sản phẩm viết của HS [2], [7], [8]. Để rèn luyện và đánh giá NL ngữ văn của HS theo định hướng tích hợp, GV có thể sử dụng *hồ sơ đọc tích hợp với hồ sơ viết* trong một lớp học đọc - viết [9].

Phần lớn sổ tay đọc hiểu được thiết kế và sử dụng như là *cẩm nang đọc* (reading guidebook), chứa đựng tri thức về kỹ năng, chiến lược đọc được soạn sẵn. Tuy nhiên, trong nghiên cứu này, sổ tay đọc hiểu được thiết kế như là *sổ ghi chép về việc đọc* (reading notebook). Đây là một dạng của *hồ sơ đọc*, tập hợp các trang lưu trữ kết quả, sản phẩm và kinh nghiệm đọc của HS. Theo Buckner (2009), sổ tay đọc hiểu là hồ sơ đọc do HS tự thiết kế (viết, trang trí các trang) và xây dựng tiêu chí đánh giá dưới sự hỗ trợ của GV. Tuy nhiên, dạng sổ tay này chỉ phù hợp với giai đoạn HS *đã hình thành* các kỹ năng đọc, biết cách xây dựng và quản lý hồ sơ ở *mức độ nhất định*. Để sổ tay đọc hiểu phù hợp cả với giai đoạn HS *bắt đầu/đang hình thành* kỹ năng đọc và làm quen với việc tạo lập hồ sơ đọc, chúng tôi thiết kế sổ tay đọc hiểu theo cách thiết kế của Fautus và Pinnell (2011). Theo đó, GV thiết kế sẵn khung của sổ tay bao gồm các *mẫu phiếu được thiết kế sẵn*, gồm có: *phiếu thông tin*

(kiến thức về thể loại, chiến lược đọc,...) cho HS tìm hiểu; *phiếu ghi chép/phiếu bài tập* với các nhiệm vụ và hướng dẫn cho HS điền vào.

2.1.2. Dạy học đọc hiểu thơ trữ tình ở cấp Trung học phổ thông trong Chương trình Ngữ văn 2018

Trong CTNV2018, dạy học đọc hiểu giúp HS tích cực tham gia vào việc tạo nghĩa cho VB, quan trọng nhất là hỗ trợ HS hình thành và phát triển kỹ năng đọc qua việc đọc các VB cùng một thể loại để *rút ra cách đọc và vận dụng vào việc đọc mở rộng* [1, tr.82]. Ở từng cấp học, dạy HS *cách đọc* VB chính là dạy *cách thực hiện/hoàn thành các YCCĐ về đọc hiểu* được chương trình quy định. Hơn nữa, việc dạy học đọc hiểu cần bám sát *đặc trưng thể loại của VB* - thể hiện rõ nhất ở YCCĐ về đọc hiểu hình thức. Dạy học đọc hiểu *thơ trữ tình* ở THPT cần bám sát các YCCĐ về đọc hiểu *thơ trữ tình* ở cấp THPT (xem Bảng 1).

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu lí luận được sử dụng để phân tích, tổng hợp các cơ sở lí luận, trên cơ sở đó thiết kế sản phẩm sổ tay đọc hiểu *thơ trữ tình* ở cấp THPT.

Phương pháp khảo sát qua bảng hỏi được sử dụng để thu thập ý kiến đánh giá của GV THPT về *mức độ hiệu quả và khả thi trong thực tế dạy học* của sản phẩm sổ tay đọc hiểu *thơ trữ tình* ở cấp THPT. Tham gia khảo sát là 160 GV công tác tại các trường THPT ở Thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM) và một số tỉnh thành khác như Đồng Tháp, Tiền Giang, Hậu Giang, Long An, An Giang, Bình Dương, Đồng Nai, Vũng Tàu (xem Bảng 2). Việc chọn mẫu trên diện rộng nhằm tăng tính đại

Bảng 1: Các nhóm YCCĐ của CTNV2018 về đọc hiểu thơ trữ tình ở cấp THPT

Nhóm	Tiểu nhóm
Đọc hiểu nội dung	Đọc hiểu nội dung bao quát, chi tiết tiêu biểu, chi tiết quan trọng, đề tài, các mối quan hệ trong tính của chính thể VB, chủ đề, tư tưởng, thông điệp, tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo, giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh, giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mỹ.
Đọc hiểu hình thức	Đọc hiểu từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, đối, chủ thể trữ tình, nhân vật trữ tình, yếu tố tượng trưng, ngôn từ, cấu tứ, hình thức bài thơ thể hiện trên VB, ngôn ngữ, hình tượng, biểu tượng, yếu tố siêu thực.
Liên hệ, so sánh, kết nối	Liên hệ, vận dụng hiểu biết về tác giả, bối cảnh lịch sử - văn hóa, kinh nghiệm đọc, trải nghiệm cuộc sống, lịch sử văn học Việt Nam; So sánh hai VB cùng đề tài ở các giai đoạn khác nhau.
Đọc mở rộng	Đọc VB có dung lượng tương đương với VB được đọc trên lớp.

Bảng 2: Thông tin về GV THPT tham gia khảo sát (N=160)

Diện	Địa phương công tác		Thâm niên dạy học			Tình hình tham gia tập huấn về CTNV2018	
	TP.HCM	Tỉnh thành khác	Dưới 5 năm	5-10 năm	Trên 10 năm	Đã tham gia	Chưa tham gia
n	38	122	49	60	51	132	28
%	23.75%	76.25%	30.625%	37.5%	31.875%	82.5%	17.5%

diện của mẫu, có thể cho thấy tính khả dụng của sổ tay ở nhiều địa phương khác nhau.

Đề thu thập ý kiến trên diện rộng nhanh chóng, ít tốn kém, hình thức khảo sát được sử dụng là *bảng hỏi trực tuyến Google Form* với hai phần. Phần 1 có các infographic thuyết minh về sổ tay. Phần 2 có: 06 câu hỏi trắc nghiệm, mỗi câu hỏi có 5 phương án lựa chọn theo thang Likert ứng với 5 mức điểm (1 = Rất thấp; 2 = Thấp; 3 = Trung bình; 4 = Cao; 5 = Rất cao; độ tin cậy $\alpha = .856$) để GV chấm điểm sổ tay trên 6 phương diện (thấm mĩ, cần thiết, hữu ích, thân thiện, thuận tiện, tiết kiệm); 03 câu hỏi tự luận để GV cho ý kiến cụ thể về sổ tay. Dữ liệu thu về được phân nhóm, mã hoá và phân tích bằng SPSS 25.0.

2.3. Kết quả và thảo luận

2.3.1. Mục đích, nguyên tắc thiết kế và cấu trúc của sổ tay đọc hiểu thơ trữ tình ở cấp Trung học phổ thông theo định hướng Chương trình Ngữ văn 2018

a. Mục đích và nguyên tắc thiết kế sổ tay

- **Mục đích thiết kế.** Sổ tay hỗ trợ HS THPT hình thành, rèn luyện kĩ năng đọc thơ trữ tình thông qua việc ghi chép vào sổ tay cách thức thực hiện các YCCĐ của CTNV2018 về đọc hiểu thơ trữ tình. Minh chứng cho sự hình thành NL của HS khi đọc hiểu thơ trữ tình không chỉ nằm ở khâu (1) Hoàn thành YCCĐ, mà còn thể hiện ở khâu (2) Tự nhận thức, rút ra cách thức hoàn thành YCCĐ (còn gọi là kinh nghiệm đọc theo YCCĐ) và (3) Vận dụng kinh nghiệm đọc rút ra được để đọc mở rộng theo YCCĐ. Sổ tay của chúng tôi là công cụ hỗ trợ HS thực hiện khâu (2) và (3). Với CTNV2018, mục tiêu của mỗi bài học về thơ trữ tình thường bao gồm một/một số

YCCĐ về đọc hiểu thơ trữ tình. HS phải *chủ động rút ra* (thay vì GV đúc kết sẵn) cách thực hiện YCCĐ ấy sau khi thực hiện đọc bài thơ trên lớp và *vận dụng được* hiểu biết ấy để đọc được bài thơ khác thì mới được xem là có NL.

- **Nguyên tắc thiết kế.** Về *nội dung*, sổ tay là một *khung hồ sơ đọc* đảm bảo các đặc điểm của hồ sơ đọc, bám sát YCCĐ của CTNV2018 về đọc hiểu thơ trữ tình lớp 10-12, đảm bảo tính thân thiện với người dùng (HS THPT). Về *hình thức* (chữ in, bố cục, màu sắc, hình ảnh, đồ hoạ,...), sổ tay đảm bảo tính đẹp mắt và dễ tiếp cận, đồng thời đảm bảo tính đồng bộ trong thiết kế chung.

b. Cấu trúc của sổ tay

Sổ tay đọc hiểu thơ trữ tình ở cấp THPT được thiết kế thành một bộ ba quyển dành cho lớp 10, lớp 11 và lớp 12 với *cấu trúc giống nhau* (đảm bảo tính đồng bộ), bao gồm *phần chính* và *phần bổ trợ*.

- **Phần chính** của mỗi quyển sổ tay có 12-13 phiếu ghi chép hai trang (khổ A4).

Trang trước (xem Hình 1) là không gian để HS *ghi chép kinh nghiệm, cách thức, các thao tác cụ thể để thực hiện một hoặc một nhóm YCCĐ* trong CTNV2018 về đọc hiểu thơ trữ tình ở cấp lớp. Để hỗ trợ HS ghi chép, chúng tôi thiết kế các *ô ghi chép* (số lượng, thứ tự các ô phụ thuộc vào các mức độ kĩ năng đọc được thể hiện trong YCCĐ), mỗi ô có *câu hỏi định hướng ghi chép* và *phần gợi dẫn trả lời* (Số lượng và nội dung câu hỏi/gợi dẫn tùy vào YCCĐ và cấp lớp) cho HS. Trả lời được các câu hỏi này, HS hoàn tất ghi chép về cách thực hiện YCCĐ mà phiếu hướng đến.

Hình 1: Trang trước của một phiếu ghi chép trong sổ tay lớp 10

Hình 2: Trang sau của một phiếu ghi chép trong sổ tay lớp 10

Trang sau (xem Hình 2) có cấu trúc giống nhau ở tất cả các phiếu, gồm bốn mục. Ở **mục (a)**, HS vận dụng kinh nghiệm thực hiện (các) YCCĐ mà phiếu hướng đến ở trang trước để **thực hiện lại (luyện tập)** (các) YCCĐ này với **một ngữ liệu thơ trữ tình khác với ngữ liệu được hướng dẫn đọc trên lớp**; sau đó, HS viết kết quả đọc vào ô trống. Qua nhiệm vụ này, HS vừa rèn luyện kỹ năng đọc hiểu nội dung/ đọc hiểu hình thức/ liên hệ, so sánh, kết nối, vừa thực hiện YCCĐ về đọc mở rộng của CTNV2018. Nhằm tạo ra nguồn ngữ liệu phong phú cho HS đọc mở rộng, chúng tôi thiết kế kèm theo mỗi quyển sổ tay một **Bộ ngữ liệu thơ trữ tình Việt Nam**, mỗi bộ có 10-13 VB trữ tình được gợi ý làm ngữ liệu đọc trong CTNV2018 (thiết kế dưới dạng infographic, mẫu ở Hình 3). Sau khi rèn luyện theo YCCĐ trong phiếu, HS có thể rút ra những kinh nghiệm, thao tác mới/ hiệu quả hơn trong việc thực hiện YCCĐ này và viết vào ô trống ở mục (b). Mục (c) là bảng kiểm dành cho HS tự đánh giá việc ghi chép qua một số tiêu chí (đầy đủ, rõ ràng, khoa học, sáng tạo, hữu dụng, bổ sung theo thời gian). Mục (d) dành cho GV nhận xét về phiếu ghi chép.

- **Phần bổ trợ** (nằm ở cuối sổ tay) là nội dung tham khảo cho HS trong quá trình ghi chép sổ tay, bao gồm: *Hướng dẫn các thao tác cần thực hiện trước, trong, và sau khi đọc thơ trữ tình*; *Một số thuật ngữ quan trọng* (được nêu ra trong YCCĐ); *Rubric đánh giá phiếu ghi chép* (xem Hình 4).

Cấu trúc của sổ tay đã đáp ứng yêu cầu của *hồ sơ đọc*: Có mục tiêu cụ thể (các YCCĐ); phản ánh quá trình rèn luyện kỹ năng đọc thơ trữ tình của HS (các nhiệm vụ ghi chép); kinh nghiệm đọc có sự bổ sung theo thời gian; có công cụ đánh giá đi kèm mà HS là chủ thể tự đánh giá

việc ghi chép và rèn luyện kỹ năng của mình.

c. *Định hướng sử dụng sổ tay trong thực tế dạy học theo CTNV2018*

Đối tượng sử dụng sổ tay là HS và GV THPT. Sử dụng sổ tay tương tự như sử dụng hồ sơ học tập. Trước khi triển khai các bài dạy thể loại thơ trữ tình có sử dụng sổ tay, GV và HS cần thống nhất *kế hoạch thực hiện sổ tay* bám sát kế hoạch dạy học trên lớp. Kế hoạch có thể như sau: GV chọn một số YCCĐ trong CTNV2018 về đọc hiểu thơ trữ tình làm mục tiêu kỹ năng đọc để thiết kế bài học về thơ trữ tình với 1-2 ngữ liệu đọc trên lớp.

HS nhận sổ tay, xác định các phiếu ghi chép cần hoàn thành sau bài học (theo mục tiêu bài học), thảo luận với GV về các tiêu chí trong rubric đánh giá sổ tay (Hình 4). Cuối hoạt động/ tiết/ bài học trên lớp, dưới sự hỗ trợ của GV (ở một vài lần ghi chép đầu tiên), HS ghi chép vào *mặt trước* của các phiếu cách thực hiện các YCCĐ đã được triển khai trong hoạt động/tiết/ bài học.

Sau bài học, HS *tự chọn* ngữ liệu đọc mở rộng trong *Bộ ngữ liệu thơ trữ tình Việt Nam* (Hình 3) của cấp lớp để thực hiện lại các YCCĐ đã thực hiện trên lớp, viết kết quả đọc vào *mặt sau* của các phiếu trong sổ tay. Sau đó, HS ghi chép thêm các kinh nghiệm đọc rút ra sau khi đọc mở rộng theo YCCĐ vào mặt sau các phiếu.

HS sử dụng bảng kiểm ở mặt sau mỗi phiếu đã ghi chép (Hình 2) để *tự đánh giá* việc ghi chép, chia sẻ kết quả thực hiện sổ tay với nhau (theo hình thức hội nhóm nhỏ, trưng bày trên bảng tin/ góc học tập của lớp,...) và nhận xét *đồng đẳng* theo rubric; GV *nhận xét, chấm điểm* sổ tay của HS theo rubric. Đây là một hình thức đánh giá thường xuyên việc rèn luyện kỹ năng đọc hiểu



Hình 3: Một infographic ngữ liệu đi kèm sổ tay

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ		
	(3)	(2)	(1)
NỘI DUNG (8.0 ĐIỂM)			

Hình 4: Rubric đánh giá phiếu ghi chép trong sổ tay

thơ trữ tình.

(Quy trình lặp lại cho đến khi tất cả YCCĐ trong CTNV2018 về đọc hiểu thơ trữ tình của cấp lớp đều được triển khai; các phiếu được hoàn thành và đánh giá đầy đủ.)

GV còn có thể sử dụng sổ tay kết hợp với dạy học dựa trên *dự án học tập*. HS thực hiện dự án đọc thơ trữ tình theo nhóm, trong đó sổ tay đọc hiểu thơ trữ tình là hồ sơ đọc của mỗi nhóm.

2.3.2. Kết quả đánh giá mức độ hiệu quả và khả thi của sổ tay đọc hiểu thơ trữ tình ở cấp Trung học phổ thông theo định hướng Chương trình Ngữ văn 2018

a. Mục đích và đối tượng đánh giá

Khảo sát ý kiến đánh giá của GV THPT về sổ tay là khâu *thẩm định ban đầu* về *mức độ hiệu quả và khả thi* của sổ tay trong thực tế dạy học ở các trường THPT, làm cơ sở để hoàn thiện sản phẩm sổ tay trước khi đưa vào thử nghiệm và ứng dụng.

Mức độ hiệu quả của sổ tay cần được đánh giá trên 3 phương diện: *Mức độ thẩm mĩ* (hài hoà, khoa học, sáng tạo về bố cục, màu sắc, kiểu chữ,...); *mức độ cần thiết*

(là công cụ hỗ trợ thiết thực để hình thành và phát triển NL của HS theo CTNV2018); *mức độ hữu ích* (có khả năng đáp ứng, hỗ trợ tốt cho việc hình thành và phát triển NL của HS theo CTNV2018). **Mức độ khả thi** của sổ tay cần được đánh giá trên 3 phương diện: *Mức độ thân thiện* (dễ tiếp cận, không khó hiểu); *mức độ thuận tiện* (dễ quản lí, tiện dụng trong thực tế dạy học); *mức độ tiết kiệm* (không tốn kém nhiều chi phí, thời giờ khi sử dụng trong thực tế ở trường THPT).

b. Kết quả đánh giá

Kết quả chấm điểm sản phẩm sổ tay trên 6 phương diện (xem Bảng 3 và Bảng 4)

Trong thang điểm 1–5, điểm trung bình (ĐTB) của mỗi phương diện được chia thành các khoảng: 1–1.8 = Rất thấp; 1.81–2.6 = Thấp; 2.61–3.4 = Trung bình; 3.41–4.2 = Cao; 4.21–5 = Rất cao. ĐTB của *mức độ hiệu quả* và *mức độ khả thi* của sổ tay (tổng ĐTB của 3 phương diện hợp thành) được chia thành các khoảng: 3–5.4 = Rất thấp; 5.41–7.8 = Thấp; 7.81–10.2 = Trung bình; 10.21–12.6 = Cao; 12.61–15 = Rất cao.

Về tổng thể, sổ tay có ĐTB cao nhất ở *mức độ thân*

Bảng 3: Kết quả chấm điểm đánh giá sổ tay (M: ĐTB; SD: Độ lệch chuẩn)

Phương diện đánh giá	N	Số lượng và tỉ lệ lựa chọn mức điểm đánh giá					M÷SD
		5	4	3	2	1	
Mức độ hiệu quả							
Mức độ thẩm mĩ	160	72 45.0%	68 42.5%	17 10.625%	3 1.875%	0 0%	4.306 ÷ .733
Mức độ cần thiết	160	65 40.6%	80 50.0%	13 8.125%	2 1.25%	0 0%	4.300 ÷ .668
Mức độ hữu ích	160	61 38.125%	80 50.0%	15 9.375%	4 2.5%	0 0%	4.238 ÷ .722
Mức độ khả thi							
Mức độ thân thiện	160	67 41.875%	77 48.125%	15 9.375%	1 0.625%	0 0%	4.313 ÷ .665
Mức độ thuận tiện	160	75 46.875%	60 37.5%	22 13.75%	3 1.875%	0 0%	4.294 ÷ .773
Mức độ tiết kiệm	160	63 39.375%	63 39.375%	28 17.5%	6 3.75%	0 0%	4.144 ÷ .838

Bảng 4: ĐTB theo diện GV tham gia đánh giá

Phương diện đánh giá	Diện GV tham gia đánh giá				
	TP.HCM	Tỉnh thành khác	Thâm niên dưới 5 năm	Thâm niên 5-10 năm	Thâm niên trên 10 năm
Mức độ thẩm mĩ	4.289	4.311	4.204	4.500	4.176
Mức độ cần thiết	4.237	4.320	4.204	4.383	4.294
Mức độ hữu ích	4.184	4.254	4.082	4.267	4.353
Mức độ thân thiện	4.158	4.361	4.163	4.467	4.275
Mức độ thuận tiện	4.079	4.361	4.102	4.400	4.353
Mức độ tiết kiệm	3.711	4.279	3.959	4.317	4.118

Bảng 5: Kết quả cho ý kiến đánh giá sổ tay

Phương diện đánh giá	Số lượng ý kiến đánh giá		
	Nêu ưu điểm	Nêu hạn chế	Đề xuất cải thiện
Mức độ thẩm mỹ	29	3	5
Mức độ cần thiết	10	2	0
Mức độ hữu ích	22	0	4
Mức độ thân thiện	11	6	5
Mức độ thuận tiện	8	7	3
Mức độ tiết kiệm	0	4	0
Tổng	80	22	17

thiện ($M = 4.313$), mức độ thẩm mỹ ($M = 4.306$) và mức độ cần thiết ($M = 4.300$). Tổng tỉ lệ GV chấm **điểm 4–5** luôn trên 75%. Không có phương diện nào nhận **điểm 1**. ĐTB của mức độ hiệu quả và mức độ khả thi của sổ tay lần lượt là **12.844** và **12.751**, thuộc khoảng *Rất cao*. Do đó, nhìn chung, sổ tay được GV tham gia khảo sát đánh giá tốt. Tuy nhiên, mức độ tiết kiệm được đánh giá thấp nhất trong các phương diện ($M = 4.144$). Do đó, phương diện này có thể cần phải được cải thiện thêm.

Theo Bảng 4, nhóm GV *tỉnh thành khác* có xu hướng chấm điểm sổ tay *cao hơn* ở 6 phương diện đánh giá, nhóm GV *thâm niên 5 đến 10 năm* có xu hướng chấm điểm sổ tay *cao hơn* ở 5 phương diện đánh giá, nghĩa là sổ tay được đánh giá cao nhất bởi GV thâm niên 5-10 năm công tác ngoài TP.HCM.

Kết quả cho ý kiến đánh giá cụ thể về sổ tay (xem Bảng 5)

Đề thu thập ý kiến đánh giá cụ thể của GV về sổ tay, chúng tôi yêu cầu GV trả lời 3 câu hỏi: “1. Thầy/ Cô yêu thích điều gì ở sản phẩm?” (Nêu ưu điểm); “2. Thầy/ Cô nhận thấy sản phẩm có hạn chế gì trong thực tế dạy học phát triển NL?” (Nêu hạn chế); “3. Thầy/ Cô đề xuất gì để cải thiện sản phẩm?” (Đề xuất cải thiện).

Khảo sát thu về: 67/160 phản hồi cho câu hỏi 1 (93/160 phản hồi “Không”), 58/67 phản hồi có ý nghĩa; 29/160 phản hồi cho câu hỏi 2 (131/160 phản hồi “Không”), 20/29 phản hồi có ý nghĩa; 28/160 phản hồi cho câu hỏi 3 (132/160 phản hồi “Không”), 16/28 phản hồi có ý nghĩa. Ý kiến đánh giá được phân loại theo mục đích đánh giá (nêu ưu điểm/hạn chế/đề xuất) và phương diện đánh giá. Ở mỗi câu hỏi, mỗi phản hồi có một ý kiến (đánh giá một phương diện) hoặc hơn một ý kiến (đánh giá nhiều phương diện) nên số lượng ý kiến > số lượng phản hồi.

Về tổng thể, GV đánh giá sổ tay nhiều ưu điểm hơn hạn chế. Mức độ thẩm mỹ và hữu ích của sổ tay có nhiều ưu điểm nhất.

Về mức độ thẩm mỹ, ưu điểm của sổ tay là “hình thức đẹp, thiết kế phù hợp cho việc đa dạng hóa phương pháp dạy đọc thơ trữ tình” (GV15), nhưng hạn chế nằm

ở “phông nền nâu, cam, đỏ, hồng không tạo được cảm giác thoải mái” (GV159). GV đề xuất: “dùng nhiều tông màu màu lạnh sẽ giúp người đọc thoải mái hơn” (GV159). Cần điều chỉnh màu ở các trang để tạo hiệu ứng thị giác tích cực hơn.

Về mức độ cần thiết, sổ tay được đánh giá là công cụ “thiết thực và đáp ứng kịp thời nhu cầu của GV, HS trong cuộc cách mạng giáo dục” (GV17). Tuy nhiên, “hiện nay, mang thêm công cụ này trong quá trình học có thể khiến HS ngán ngẩm, mệt mỏi vì các em còn phải đem theo tài liệu khác” (GV44). Để khắc phục hạn chế này, sổ tay đọc hiểu thơ trữ tình cần được mở rộng phạm vi thành sổ tay đọc hiểu (bao hàm thêm truyện, kịch, kí).

Về mức độ hữu ích, “Sổ tay cùng bộ ngữ liệu là công cụ đắc lực cho GV trong việc thiết kế hoạt động đọc mở rộng, đáp ứng yêu cầu phát triển NL của CTNV2018” (GV02). Đề sổ tay đáp ứng yêu cầu về phân hoá NL, “những phiếu đầu có 1-2 ô điền sẵn chi tiết, 1-2 ô chỉ có gợi dẫn; những phiếu sau để trống cho HS tự điền hết” (GV18). Ngoài ra, khi HS đã quen với sổ tay đọc hiểu thơ trữ tình, GV có thể cho phép HS tự thiết kế sổ tay đọc hiểu các thể loại khác.

Về mức độ thân thiện, sổ tay được đánh giá có “giao diện thân thiện, dễ hiểu với GV và HS” (GV130), tuy nhiên “các mặt của phiếu còn khá nhiều nội dung” (GV151) và cần “đưa ra câu hỏi, chỉ dẫn đơn giản, dễ hiểu hơn” (GV152). Để cải thiện, chúng tôi đơn giản hoá cách đặt câu hỏi và gợi dẫn trong phiếu ghi chép sao cho vừa sức hơn với số đông HS THPT.

Về mức độ thuận tiện, sổ tay “có sẵn mẫu rubric, mẫu ngữ liệu” (GV159), tuy nhiên, “kích thước A4 là hơi lớn” (GV44), khiến HS có thể không tiện mang theo. Ngoài ra, sổ tay “nên có một phiếu ghi chép làm mẫu để HS có hình dung ban đầu về cách ghi chép” (GV76). Phương hướng cải tiến sổ tay là giảm khổ giấy hoặc phát hành dưới dạng hồ sơ tương tác trực tuyến.

Về mức độ tiết kiệm, vấn đề đặt ra là “việc in ấn sổ tay có thể tốn chi phí” (GV89) nhưng “nếu in ấn đơn sắc (mono) thì không đẹp” (GV04). Với vấn đề này,

có hai giải pháp tiết kiệm: (1) GV sao in các phiếu ghi chép cần thiết với mỗi bài học cho HS sử dụng và HS tập hợp các phiếu theo tiến trình thành một bộ hồ sơ; (2) Xem sổ tay là vở ghi bài của HS trong giờ đọc hiểu thơ trữ tình.

3. Kết luận

Trên cơ sở vận dụng lí luận về hồ sơ học tập, *sổ tay đọc hiểu thơ trữ tình ở cấp THPT* được thiết kế như là công cụ hỗ trợ GV và HS THPT trong dạy học đọc hiểu thơ trữ tình đáp ứng yêu cầu của CTNV2018 về dạy

học và đánh giá kĩ năng đọc. Sổ tay hỗ trợ HS lưu giữ, tích lũy và vận dụng hiểu biết về cách thức đọc thơ trữ tình, cũng như tự đánh giá sự hình thành hay phát triển về NL trong quá trình rèn luyện kĩ năng đọc ở trường. Khảo sát ý kiến của GV THPT về sổ tay cho thấy sản phẩm thân thiện, thẩm mỹ, phù hợp với nguyện vọng, yêu cầu của GV, có khả năng ứng dụng vào thực tế dạy học theo định hướng NL ở các trường THPT, đặc biệt là khi CTNV2018 vận hành ở cấp THPT, có khả năng hỗ trợ hiệu quả cho GV trong việc hình thành và phát triển NL của HS THPT khi đọc thơ trữ tình.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2018), *Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn*, Hà Nội.
- [2] Trương Thanh Tòng, (01/2021), *Thiết kế hồ sơ học tập trong dạy học môn Ngữ văn theo định hướng phát triển năng lực học sinh*, HNUE Journal of Educational Sciences, số 1, tr. 37-45.
- [3] Paulson, F.L., Paulson, P.R., & Meyer, C.A, (2/1991), *What Makes A Portfolio A Portfolio?*, Educational leadership, No. 5, pp. 60-63.
- [4] Nguyễn Công Khanh, (2019), *Giáo trình kiểm tra đánh giá trong giáo dục*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [5] Nguyễn Trọng Hoàn, (7/2016), *Hoạt động học tập môn Ngữ văn trong dạy học định hướng năng lực*, Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, số 85, tr. 84-92.
- [6] Tompkins, S.L. (12/1997), *How Does a Reader Make a Poem Meaningful? Reader-Response Theory and the Poetry Portfolio*, Teaching English in the Two-Year College, No. 4, pp. 317-325.
- [7] Nguyễn Thành Ngọc Bảo, (3/2014), *Bước đầu tìm hiểu khái niệm “Đánh giá theo năng lực” và đề xuất một số hình thức đánh giá năng lực Ngữ văn của học sinh*, Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, số 56, tr. 157-165.
- [8] Lam, R. (10/ 2018), *Understanding Assessment as Learning in Writing Classrooms: The Case of Portfolio Assessment*, Iranian Journal of Language Teaching Research, No. 3, pp.19-36.
- [9] Tierney, R.J., Carter, M.A. & Desai, L.E. (1991), *Portfolio Assessment in the Reading-Writing Classroom*, Norwood: Christopher-Gordon Publishers.
- [10] Buckner, A.E, (2009), *Notebook Connections: Strategies for the Reader's Notebook*, Portland: Stenhouse Publishers.
- [11] Fautus, I.C. & Pinnell, G.S, (2011), *Reader's Notebook: Advanced*, Heinemann.

DESIGNING READING COMPREHENSION NOTEBOOKS FOR TEACHING READING LYRIC POETRY AT THE HIGH SCHOOL LEVEL WITHIN THE FRAMEWORK OF THE 2018 LITERATURE CURRICULUM

Nguyen Minh Nhat Nam^{*1}, Chau Hue Mai²,

Tran Phat Dat³, Nguyen Thi Ngoc Thuy⁴

^{*} Corresponding author

¹ Email: 4401601023@student.hcmue.edu.vn

² Email: maihuechau@gmail.com

³ Email: dattran1001@gmail.com

⁴ Email: thuyntn@hcmue.edu.vn

Ho Chi Minh City University of Education

280 An Duong Vuong, District 5,

Ho Chi Minh City, Vietnam

ABSTRACT: According to the 2018 General Education Curriculum in Literature (the 2018 Literature Curriculum), the aim of teaching reading comprehension is that students know how to read and read by themselves. However, among the literary genres taught at the high school level, lyric poetry is an elaborate genre, and additionally, the requirements of reading lyric poetry at this level are mainly of analysis and evaluation reading. Within this context, this study designed the reading notebook as a reading portfolio used in teaching reading lyric poetry in order to improve the methods of teaching reading as well as develop students' skills in reading lyric poetry. The study used the theory of portfolio and the orientation of the 2018 Literature Curriculum to develop the target, principles, structure, and usage of the notebook. A questionnaire survey was conducted with 160 high school teachers as participants to evaluate the effectiveness and practicability of the notebook in teaching practice. The results show that the notebook was ranked highest in terms of friendliness, attractiveness, and necessity for training lyric poetry reading skills.

KEYWORDS: Reading notebook, reading portfolio, lyric poetry, 2018 Literature Curriculum.